

ĐÁNH GIÁ CẤU TRÚC THÀNH PHẦN LOÀI CHIM Ở VƯỜN QUỐC GIA TRÀM CHIM, HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

ĐỖ THỊ NHƯ UYÊN
Trường Đại học Đồng Tháp

Vườn Quốc gia (VQG) Tràm Chim từ năm 1998 đến năm 2012 được công nhận là Khu Ramsar thứ 4 của Việt Nam và thứ 2000 của Thế giới. Với tổng diện tích khoảng 7.612 ha, trong đó có gần 3.000 ha rừng tràm và khoảng 1.000 ha gồm lúa trời, sen, súng và cỏ năng,... Nơi đây đã trở thành nơi cư trú của hầu hết các loài chim nước được tìm thấy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL).

Thành phần loài chim quý hiếm ở VQG Tràm Chim khá phong phú, nhất là các loài chim nước và phụ thuộc đất ngập nước, với nhiều loài đã và đang bị đe dọa tuyệt chủng ở mức độ khác nhau như Sếu đầu đỏ, Ô tác, Già đầy lớn, Già đầy java, Giang sen, Quắm lớn, Quắm đầu đen, Cò nhạn, Cỏ rần, Cốc đế, Ngan cánh trắng, Chàng bè, Te vàng,... Đây là những loài có ý nghĩa bảo tồn quan trọng đối với Việt Nam, khu vực châu Á và trên thế giới, trong số đó đáng chú ý hơn cả là loài Sếu đầu đỏ hay Sếu cổ trụ thuộc phân loài phương đông *Grus antigone sharpii* Blanford, 1929

Loài Sếu đầu đỏ được tìm thấy lại ở VQG Tràm Chim là một trong ba phân loài của loài Sếu cổ trụ *Grus antigone* (Linnaeus, 1758). Đây là loài chim có kích thước lớn và hiện đang bị đe dọa trên toàn cầu. Số lượng quần thể của phân loài phương đông hiện gặp ở VQG Tràm Chim ước tính còn khoảng 500 - 1.000 cá thể và có chiều hướng ngày càng giảm sút do nhiều nguyên nhân khác nhau; đáng chú ý hơn cả là sinh cảnh vùng kiếm ăn và sinh sản của chúng trên thế giới nói chung cũng như ở Việt Nam và VQG Tràm Chim nói riêng ngày càng bị thu hẹp.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tiến hành điều tra theo tuyến bằng cách đi chậm, có những tuyến đi bằng xuống, quan sát chim bằng ống nhòm hoặc bằng mắt thường về hai phía của tuyến. Ghi nhận đầy đủ những thông tin cần thiết trong quá trình quan sát.

Các tuyến điều tra cụ thể như sau:

- Tuyến 1: Từ trụ sở VQG đến gần trạm C4, chiều dài tuyến 3.825 m. Sinh cảnh tại đây là đồng cỏ với loài ưu thế là năng ống (*Eleocharis dulcis*) và cỏ ống (*Panicum repens*). Từ tháng 8 đến tháng 10 mực nước lên cao và ngập hết thảm thực vật.
- Tuyến 2: Từ trạm C4 đến trạm Phú Thọ, chiều dài tuyến 3.475 m. Sinh cảnh là rừng tràm cao từ 5 đến 9m, xen lẫn tràm là các diện tích nhỏ năng ống (*Eleocharis dulcis*) và cỏ ống (*Panicum repens*).
- Tuyến 3: Từ trạm Phú Thọ đến trạm C2, chiều dài tuyến 4.050 m. Sinh cảnh đồng cỏ, ưu thế là các loài cỏ ống (*Panicum repens*), cỏ bắc (*Leersia hexandra*), rau dừa (*Ludwigia* sp.) và sen (*Nelumbo nucifera*).
- Tuyến 4: Từ chốt C2 đến góc của vườn (nơi giáp kênh Phú Thành và kênh An Hòa), chiều dài tuyến 4.000 m. Sinh cảnh cỏ ưu thế là lúa ma (*Oryza rufipogon*), cỏ ống (*Panicum repens*), và sen (*Nelumbo nucifera*).
- Tuyến 5: Từ cuối kênh Phú Thành đến chốt C1, chiều dài tuyến 2.475 m. Sinh cảnh ưu thế là lúa ma (*Oryza rufipogon*) và cỏ ống (*Panicum repens*).

• Tuyến 6: Tuyến chạy dọc theo kênh Ba Hồng, chiều dài tuyến 4.775 m. Sinh cảnh là rừng tràm, dọc theo tuyến có các khoảng lúa ma (*Oryza rufipogon*), năng ồng (*Eleocharis dulcis*) và cỏ ồng (*Panicum repens*), nhưng vào đầu tháng 6, tại đây cỏ lác (*Cyperus* sp.) phát triển mạnh chiếm một diện tích đáng kể.

• Tuyến 7: Từ trạm C6 đến trạm A3, chiều dài tuyến 4.575 m. Sinh cảnh ưu thế là cỏ ồng (*Panicum repens*) và cỏ mồm (*Ischaemum rugosum*).

• Tuyến 8: Tuyến chạy dọc theo bờ bao của khu A4, chiều dài tuyến 3.725 m. Tuyến này có các loài cây mọc ưu thế là: năng kim (*Eleocharis ochrotachys*), năng ồng (*Eleocharis dulcis*), mồm mồm (*Ischaemum rugosum*) và cỏ ồng (*Panicum repens*). Đây là tuyến có địa hình cao hơn so với các tuyến khác, do đó vào tháng 5 và tháng 6 khu vực này hầu như bị khô hoàn toàn.

• Tuyến 9: Là tuyến từ trạm C4 chạy dọc theo kênh Mười Nhẹ, chiều dài tuyến 2.105 m. Sinh cảnh chiếm ưu thế là lúa ma (*Oryza rufipogon*), năng ồng (*Eleocharis dulcis*). Sinh cảnh dọc theo hai bên tuyến có các thảm thực vật khô bị ngập nước, đang trong dự án rút nước để đốt nhằm phục hồi thảm thực vật.

• Tuyến 10: Tuyến kéo dài từ trụ sở đến hết kênh Phú Đức, sinh cảnh chiếm ưu thế là rừng tràm (*Melaleuca cajuputy*), các bãi cỏ năng. Đây là tuyến giáp ranh với khu dân cư xã Phú Đức. Chiều dài tuyến là 4.015m.

• Tuyến 11: Chạy dọc từ kênh số 5 đến hết kênh số 2 khu A5, dài 3.235 m. Sinh cảnh chiếm ưu thế là năng kim (*Eleocharis ochrotachys*), năng ồng (*Eleocharis dulcis*), rừng tràm (*Melaleuca cajuputy*) và đây là nơi Sếu tập trung kiếm ăn nhiều nhất. Khu này hầu như bị ngập hoàn toàn vào mùa lũ.

Như vậy tổng chiều dài của 11 tuyến kể trên khoảng 40 km.

Hệ thống sắp xếp và tên khoa học của các loài theo Võ Quý và Nguyễn Cử 1995; tên phổ thông cũng theo các tác giả và được bổ sung bằng tài liệu của Nguyễn Cử và cs, 2005.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Cấu trúc thành phần loài chim ở VQG Tràm Chim

Khu hệ chim của VQG Tràm Chim rất đa dạng và phong phú, chủ yếu là các loài chim nước và phụ thuộc đất ngập nước, trong số đó có nhiều loài di cư. Cho đến thời điểm hiện tại đã xác định được ở VQG Tràm Chim có 230 loài thuộc 142 giống, 61 họ, và 16 bộ. Như vậy, tổng số loài chim đã biết được tại khu vực nghiên cứu chiếm 25,93% tổng số loài chim đã ghi nhận được ở Việt Nam đến năm 2011. Trong số đó có đến hơn 35 loài chiếm 21% là các loài chim quý hiếm, bị đe dọa, có ý nghĩa bảo tồn đối với khu vực và thế giới, chúng cần được ưu tiên bảo vệ.

Dựa vào hệ thống của Nguyễn Cử và cộng sự (2005) và Đỗ Thị Như Uyên (2014), cấu trúc thành phần loài chim của VQG Tràm Chim rất đa dạng được sắp xếp ở bảng 1 và 2 :

Bảng 1

Cấu trúc thành phần loài chim ở VQG Tràm Chim

TT	Tên khoa học	Tên phổ thông	Tổng số loài	Số lượng giống và số lượng loài trong giống						Tổng số giống
				1 loài	2 loài	3 loài	4 loài	5 loài	6 loài	
I	Anseriformes	Bộ Ngỗng	12	6					1	7
1	Anatidae	Họ Vịt	12	6					1	7
II	Podicipediformes	Bộ Chim lặn	1	1						1
2	Podicipedidae	Họ Chim lặn	1	1						1

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 6

III	Ciconiiformes	Bộ Hạc	24	12	3	2			17
3	Ciconiidae	Họ Hạc	5	3	1				4
4	Threskiornithidae	Họ Cò quăm	3	3					3
5	Ardeidae	Họ Diệc	16	6	2	2			10
IV	Pelecaniformes	Bộ Bồ nông	5	2		1			3
6	Pelecanidae	Họ Bồ nông	1						
7	Phalacrocoracidae	Họ Cốc	3			1			1
8	Anhingidae	Họ Cò rắn	1	1					1
V	Falconiiformes	Bộ Cắt	3			1			1
9	Falconidae	Họ Cắt	3			1			1
VI	Accipitriformes	Bộ Ưng	13	6	2	1			9
10	Pandionidae	Họ Ó cá	1	1					1
11	Accitripidae	Họ Ưng	12	5	2	1			8
VII	Gruiformes	Bộ Sếu	12	9		1			10
12	Otididae	Họ Ô tác	1	1					1
13	Rallidae	Họ Gà nước	10	7		1			8
14	Gruidae	Họ Sếu	1	1					1
VIII	Charadriiformes	Bộ Rẽ	35	9	4	4		1	18
15	Turnicidae	Họ Cun cút	3			1			1
16	Recurvirostridae	Họ Cà kheo	1	1					1
17	Charadriidae	Họ Chòi chòi	7	1		2			3
18	Rostratulidae	Họ Nhát hoa	1	1					1
19	Jacaniidae	Họ Gà lôi nước	2	2					2
20	Scolopacidae	Họ Rẽ	14	1	2	1		1	5
21	Glareolidae	Họ Dô nách	2		1				1
22	Laridae	Họ Mòng biển	5	3	1				3
IX	Columbiformes	Bộ Bồ câu	6	3		1			4
23	Columbidae	Họ Bồ câu	6	3		1			4
X	Cuculiformes	Bộ Cu cu	7	5	1				6
24	Cuculidae	Họ Cu cu	7	5	1				6
XI	Strigiformes	Bộ Cú	1	1					1
25	Tytonidae	Họ Cú lợn	1	1					1
XII	Caprimulgiformes	Bộ Cú muỗi	1	1					1
26	Caprimulgidae	Họ Cú muỗi	1	1					1
XIII	Apodiformes	Bộ Yến	3	1	1				2
27	Apodidae	Họ Yến	3	1	1				2
XIV	Coraciiformes	Bộ Sả	14	5	1	1	1		8
28	Coraciidae	Họ Sả rừng	2	2					2
29	Alcedinidae	Họ Bói cá	8	3	1	1			5
30	Meropidae	Họ Trâu	4				1		1
XV	Piciformes	Bộ Gỗ kiến	2	2					2
31	Ramphastidae	Họ Cu róc	1	1					1
32	Picidae	Họ Gỗ Kiến	1	1					1
XVI	Passeriformes	Bộ Sẻ	92	28	12	9	2	1	52
33	Acanthizidae	Họ Chích bụng vàng	1	1					1

34	Prionopidae	Họ Phường chèo	2		1				1
35	Aegithinidae	Họ chim nghệ	2		1				1
36	Campephagidae	Họ Phường chèo	4	1		1			2
37	Lanidae	Họ Bách thanh	3			1			1
38	Oriolidae	Họ Vàng anh	1	1					1
39	Dicruridae	Họ Chèo bẻo	4				1		1
40	Rhipiduridae	Họ Rẻ quạt	2		1				1
41	Corvidae	Họ Quạ	2	2					2
42	Hirundinidae	Họ Nhạn	6	2	2				4
43	Alaudidae	Họ Sơn ca	2	2					2
44	Cisticolidae	Họ Chiền chiện	7	2				1	3
45	Pycnonotidae	Họ Chào mào	4	1		1			2
46	Slyviidae	Họ Chim chích	7	2	1	1			4
47	Phylloscopidae	Họ Chích chòe	3			1			1
48	Cettiidae	Họ Chích đớp ruồi	1	1					1
49	Timaliidae	Họ Khướu	1	1					1
50	Zosteropidae	Họ Vành khuyên	2		1				1
51	Sturnidae	Họ Sáo	4	1		1			2
52	Tudidae	Họ Hoét	1	1					1
53	Muscicapidae	Họ Đớp ruồi	9	3	3				6
54	Dicaeidae	Họ Chim sâu	1	1					1
55	Nectariniidae	Họ Hút mật	4	2	1				3
56	Passeridae	Họ Sẻ	2		1				1
57	Ploceidae	Họ Rồng rộc	3			1			1
58	Estrildidae	Họ Chim di	5	2		1			3
59	Motacillidae	Họ Chia vôi	7			1	1		2
60	Fringillidae	Họ Sẻ thông	1	1					1
61	Emberizidae	Họ Sẻ đồng	1	1					1
	Tổng		230	91	24	21	3	1	2

Kết quả phân tích ở bảng 1 cho thấy số lượng họ có 1 giống chiếm tỉ lệ khá lớn (34 họ, chiếm 55,73% tổng số họ); 9 họ có 2 giống/họ (chiếm 14,75%); số họ có từ 3 giống trở lên chiếm tỉ lệ rất ít: 5 họ có 3 giống/họ (8,19%) là các họ: Cò quăm, Choi chơi, Chiền chiện, Hút mật và Chim di; 5 họ có 4 giống/họ (8,19%) là các họ: Hạc, Mòng bẽ, Bồ câu, Nhạn, Chim chích; có 2 họ có 5 giống/họ (3,27%) là các họ: Rẻ, Bói cá; họ Cu cu và họ Đớp ruồi có 6 giống/họ, 1 họ Vịt có 7 giống/họ (1,63%); và 2 họ có 8 giống/họ (3,27%) là họ Ưng và họ Gà nước.

Trong số các họ có 1 giống/họ thì họ Trâu và họ Chèo bẻo có 4 loài/giống; có 6 họ có 1 giống 3 loài, đó là các họ: họ Cốc, họ Cắt, Cun cút, Bách thanh, họ Chích phylu và họ Rồng rộc; các họ còn lại chỉ có 1 giống với 1 hoặc 2 loài, trong đó có tới 20 họ (chiếm 32,78%) chỉ có 1 giống, 1 loài.

Sự đa dạng về số loài trong mỗi họ: từ kết quả ở bảng trên cũng cho thấy số lượng họ có ít loài chiếm tỉ lệ khá cao: 20 họ có 1 loài/họ (chiếm 32,78%); có 10 họ có 2 loài/họ (16,39%); có 8 loài có 3 loài/họ (13,11%); có 5 họ có 4 loài/họ (8,19%); có 3 họ có 5 loài (họ Hạc, Mòng bẽ, Chim di); có 2 họ có 6 loài (Họ Bồ câu và họ Nhạn); có 5 họ có 7 loài (họ Choi chơi, Cu cu, Chiền chiện, Chim chích và Chia vôi); số lượng họ đa dạng về loài rất ít, chỉ có 7 họ có từ 8 loài trở lên như các họ sau: họ Bói cá có 8 loài; họ Đớp ruồi có 9 loài; họ Gà nước có 10 loài; họ Vịt và họ Ưng có 12 loài; họ Rẻ có 14 loài và họ Diệc có số loài cao nhất là 16 loài/họ.

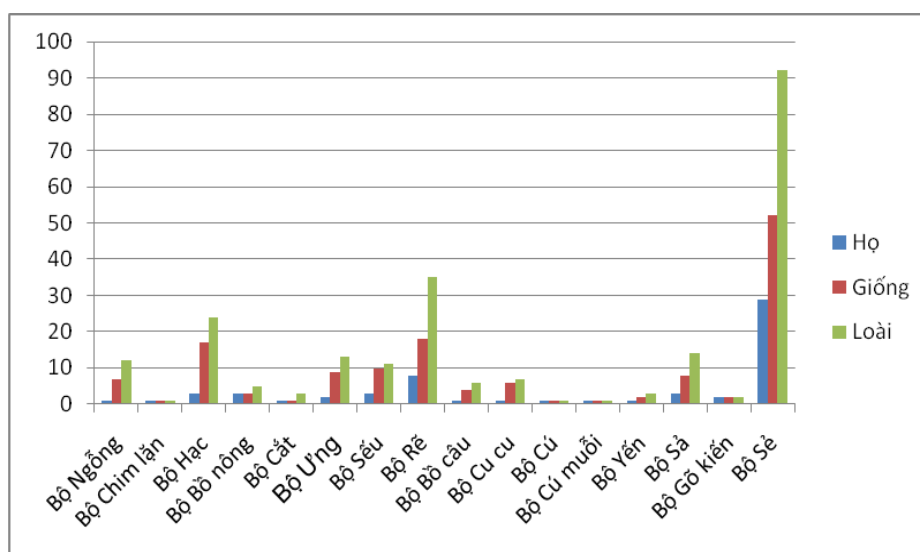
Sự đa dạng về số loài trong mỗi giống. Kết quả phân tích cho thấy trong tổng số 142 giống thì có đến 91 giống có 1 loài (chiếm 64,08% tổng số giống); có 24 giống có 2 loài/ giống (chiếm 16,90% tổng số giống); có 21 giống có 3 loài/giống (chiếm 14,78% tổng số giống); số giống có từ 4 loài trở lên chiếm tỉ lệ rất ít: có 3 giống có 4 loài/giống (giống *Merops*, *Dicirius* và *Motaciila*); 1 giống *Prinia* có 5 loài/giống và 2 giống có 6 loài/giống là giống *Anas* và *Tringa*.

2. Cấu trúc thành phần loài theo họ, giống và loài ở VQG Tràm Chim

Bảng 2

Tổng hợp số lượng các họ, giống và loài của các bộ chim ở VQG Tràm Chim

TT	Bộ	Họ		Giống		Loài		Tỉ lệ	
		N	%	n	%	n	%	Loài/ giống	Loài/ họ
1	Bộ Ngỗng	1	1,63	7	4,92	12	5,21	1,71	12,00
2	Bộ Chim lặn	1	1,63	1	0,70	1	0,43	1,00	1,00
3	Bộ Hạc	3	4,91	17	11,97	24	10,43	1,41	8,00
4	Bộ Bồ nông	3	4,91	3	2,11	5	2,17	1,66	1,66
5	Bộ Cắt	1	1,63	1	0,70	3	1,30	3,00	3,00
6	Bộ Ưng	2	3,27	9	6,33	13	5,65	1,44	6,50
7	Bộ Sếu	3	4,91	10	7,04	11	4,78	1,10	3,66
8	Bộ Rẽ	8	13,11	18	12,67	35	15,21	1,94	4,37
9	Bộ Bồ câu	1	1,63	4	2,81	6	2,60	1,50	6,00
10	Bộ Cu cu	1	1,63	6	4,22	7	3,04	1,16	7,00
11	Bộ Cú	1	1,63	1	0,70	1	0,43	1,00	1,00
12	Bộ Cú muỗi	1	1,63	1	0,70	1	0,43	1,00	1,00
13	Bộ Yến	1	1,63	2	1,40	3	1,30	1,50	3,00
14	Bộ Sả	3	4,91	8	5,63	14	6,08	1,75	4,66
15	Bộ Gõ kiến	2	3,27	2	1,40	2	0,86	1,00	1,00
16	Bộ Sẻ	29	47,51	52	36,61	92	40,00	1,76	3,17
	Tổng	61		142		230		1,61	3,77



Hình 1: Số lượng các họ, giống và loài của các bộ chim ở VQG Tràm Chim

- Sự đa dạng về họ trong mỗi bộ:

Trong số 16 bộ ghi nhận ở VQG Tràm Chim thì bộ Sẻ đa dạng nhất về số họ 29 họ (chiếm 47,51% tổng số họ), tiếp theo là bộ Rẽ có 8 họ (chiếm 13,11%); có 4 bộ có 3 họ gồm bộ Hạc, bộ Bồ nông, bộ Sếu và bộ Sả; có 2 bộ có 2 họ là bộ Ưng và bộ Gõ kiến. Các bộ còn lại chỉ có 1 họ. Như vậy, sau bộ Sẻ là bộ có nhiều họ nhất thì bộ Rẽ là bộ có số họ tương đối nhiều hơn so với các bộ còn lại.

Mặt khác, nếu tính tỉ lệ loài/họ thì bộ Sẻ mặc dù có số lượng họ và loài nhiều nhất nhưng tỉ lệ loài trên họ chỉ chiếm 3,17%, thấp hơn cả so với tỉ lệ trung bình cho tất cả các bộ chim ở VQG Tràm Chim là 3,77 loài/họ. Bên cạnh đó, một số bộ có số loài ít hơn nhưng lại có tỉ lệ loài/họ khá cao như bộ Ngỗng là 12 loài/họ, bộ Hạc 8 loài/họ, bộ Cu cu 7 loài/họ. Từ kết quả phân tích trên cho thấy sự đa dạng về loài trong các họ ở các bộ này là khá lớn. Mặt khác, ở bộ Sẻ độ đa dạng về loài ở các họ là không đồng đều và cũng không cao hơn so với các bộ khác. Chẳng hạn như họ có số loài cao nhất của bộ Sẻ là họ Đớp ruồi chỉ có 9 loài (trong khi đó họ Diệc có đến 16 loài), 3 họ có 7 loài là họ Chiền chiện, họ Chim chích và họ Chìa vôi; họ Nhạn có 6 loài; họ Chim di có 5 loài; còn lại đa số các họ có từ 1 đến 4 loài, trong đó có đến 8 họ chỉ có 1 loài.

- Sự đa dạng về giống trong mỗi bộ:

Đa dạng nhất về giống vẫn thuộc về bộ Sẻ với 52 giống (chiếm 36,61% tổng số giống); tiếp sau là các bộ có số giống nhiều gồm bộ Sả với 18 giống (chiếm 12,67% tổng số giống); bộ Hạc với 17 giống (chiếm 11,97%); bộ Sếu có 10 giống (chiếm 7,04%); bộ Ưng có 9 giống (chiếm 6,33%); bộ Sả có 8 giống (chiếm 5,63%); bộ Ngỗng có 7 giống (chiếm 4,92%); bộ Cu cu có 6 giống (chiếm 4,22%). Các bộ còn lại chỉ có từ 1 đến 4 giống trong đó có 4 bộ chỉ có 1 giống gồm bộ Chim lặn, bộ cắt, bộ Cú và bộ Cú muỗi (chiếm 0,70% tổng số giống).

Nếu xét tỉ lệ trung bình về số loài trong một giống của từng bộ thì tỉ lệ chung cho tất cả các giống là 1,61 loài/giống. Trong đó, tỉ lệ này cao nhất thuộc bộ Cắt với tỉ lệ 3 loài/giống, tiếp theo là bộ Rẽ với 1,94 loài/giống, đến bộ Sẻ với 1,76 loài/giống; bộ sả 1,75 loài/giống; bộ Sếu 1,71 loài/giống; bộ Bồ nông với 1,66 loài/giống. Còn các bộ còn lại có tỉ lệ loài/giống thấp hơn so với tỉ lệ chung của VQG.

Trong số 142 giống chim ghi nhận được ở VQG Tràm Chim thì có 2 giống đa dạng nhất là *Anas* (họ Vịt) và *Tringa* (họ Rẽ) có 6 loài; tiếp theo là giống *Prinia* (họ Chiền chiện) có 5 loài; có 3 giống có 4 loài là *Merops* (họ Trâu), *Dicrurus* (họ Chèo bẻo), *Motacilla* (họ Chìa vôi), các giống còn lại chỉ có từ 1 đến 3 loài.

Như vậy, trong cấu trúc khu hệ chim ở VQG Tràm Chim, đa dạng nhất vẫn là bộ Sẻ Passeriformes với 29 họ, 52 giống và 92 loài. Họ đa dạng nhất về loài là họ Diệc Ardeidae có 16 loài; giống có nhiều loài nhất là *Anas* và *Tringa* có 6 loài

III. KẾT LUẬN

Khu hệ chim VQG Tràm Chim có 230 loài thuộc 61 họ, 16 bộ, 142 giống. Bộ Sẻ Passeriformes đa dạng nhất với 29 họ, 52 giống và 92 loài. Họ đa dạng nhất về loài là họ Diệc Ardeidae có 16 loài. Trong 142 giống thì có đến 91 giống có 1 loài (chiếm 64,08% tổng số giống); có 24 giống có 2 loài/ giống (chiếm 16,90% tổng số giống); có 21 giống có 3 loài/giống (chiếm 14,78% tổng số giống); số giống có từ 4 loài trở lên chiếm tỉ lệ rất ít: có 3 giống có 4 loài/giống (giống *Merops*, *Dicrurus* và *Motacilla*); 1 giống *Prinia* có 5 loài/giống và 2 giống có 6 loài/giống là giống *Anas* và *Tringa*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Cử**, 2000. Các sân chim ở đồng bằng sông Cửu Long. Báo cáo khoa học hội nghị Sinh học Quốc gia. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. **Nguyễn Cử, Lê Trọng Trái, Karen Phillipps**, 2005: Chim Việt Nam. Nxb. Lao Động - Xã Hội, Hà Nội. 250 trang.
3. **Nguyễn Cử, Đỗ Thị Như Uyên**, 2008: Dẫn liệu về số lượng và sự biến động của Sếu đầu đỏ (*Grus antigone sharpii* Blanford, 1929) ở Vườn Quốc gia Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Vinh, tập XXXVII(4A): 27 - 34.
4. **Nguyễn Văn Hùng**, 2007. Báo cáo giới thiệu Vườn Quốc gia Tràm Chim. Tài liệu lưu trữ ở Vườn Quốc gia Tràm Chim.
5. **Minh Lộc**, 2007. Sếu đầu đỏ Vườn Quốc gia Tràm Chim - Tam Nông-Đồng Tháp. 181 trang.
6. **Nguyễn Lâm Hùng Sơn, Nguyễn Thanh Vân**, 2011. Danh lục Chim Việt Nam. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội
7. **Đỗ Thị Như Uyên**, 2014. Nghiên cứu khu hệ chim Vườn Quốc gia Tràm Chim và đề xuất các giải pháp quản lý, bảo tồn. Luận án tiến sĩ Sinh học.

ASSESSMENT OF BIRD SPECIES COMPOSITION STRUCTURE IN TRAM CHIM NATIONAL PARK, TAM NONG DISTRICT, DONG THAP PROVINCE

DO THI NHU UYEN

SUMMARY

The species composition of birds in Tram Chim National Park is diverse and rich. The total number is about 230 species belonging to 61 families, 16 orders and 142 genera. Passeriformes is the most diverse with 92 species, 29 families and 52 genera. Ardeidae is the most diverse family with 16 species. Out of 142 genera, up to 91 genera have 1 species (64.08%); 24 genera have 2 species / genera (16.90%); 21 genera have 3 species / genera (14.78%); Some genera have 4 or more percentage species very little: 3 genera and 4 species / genera (*Merops*, *Dicrurus* and *Motacilla*); prinia has 5 species / genera and 2 genera with 6 species / genera are *Anas* and *Tringa*.